

I. Hướng dẫn chung

- Giám khảo cần nắm vững yêu cầu của Hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát nội dung bài làm của thí sinh.
- Do đặc trưng của môn Địa lí, giám khảo cần linh hoạt, tránh đếm ý cho điểm; khuyến khích những bài làm sáng tạo.
- Thí sinh có thể trình bày theo các cách khác nhau, nếu đáp ứng được những yêu cầu cơ bản và phù hợp với đặc trưng bộ môn thì vẫn cho điểm.
- Điểm toàn bài tối đa 20 điểm. Điểm thành phần là số thập phân, lẻ đến 0,25 điểm.

II. Đáp án và thang điểm

Câu	Đáp án	Điểm
1 (4 điểm)	a. Khi ở Luân Đôn (Anh) là 22 giờ ngày 9/3/2024 thì ở Hà Nội (Việt Nam) là mấy giờ, ngày nào?	1,0
	+ Luân-đôn (múi giờ số 0), Hà Nội (múi giờ số +7) => Luân-đôn cách Hà Nội 7 múi giờ.	0,25
	+ Hà Nội thuộc múi giờ +7 nên có giờ sớm hơn Luân-đôn là 7 giờ => Khi ở Luân-đôn là 22 giờ ngày 9/3/2024 thì ở Hà Nội là: 22 + 7 = 29 giờ ngày 9/3/2024 (trong thực tế 1 ngày chỉ có 24 giờ) nên lúc này Hà Nội sẽ là 5 giờ ngày 10/3/2024 .	0,75
	b. Phân biệt nội lực và ngoại lực. Phân tích mối quan hệ giữa nội lực và ngoại lực trong sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất.	3,0
	Phân biệt nội lực và ngoại lực.	2,0
	- Khái niệm: Nội lực là lực sinh ra từ bên trong Trái Đất; Ngoại lực là lực sinh ra trên bề mặt Trái Đất.	0,5
	- Nguyên nhân.	
	+ Nội lực: Do nguồn năng lượng từ quá trình phân hủy các chất phóng xạ, sự sắp xếp vật chất theo trọng lực, các phản ứng hóa học....	0,25
	+ Ngoại lực: Năng lượng bức xạ Mặt Trời là nguyên nhân chủ yếu. Các yếu tố của khí hậu, thủy văn, sinh vật...	0,25
	- Tác động đến địa hình.	
Câu 2 (4 điểm)	+ Nội lực: Tạo ra các vận động kiến tạo (uốn nếp, đứt gãy, núi lửa...) làm biến dạng vỏ Trái Đất, tạo nên sự thay đổi địa hình. Có xu hướng làm bề mặt Trái Đất trở nên gồ ghề hơn.	0,5
	+ Ngoại lực: Thông qua các quá trình phong hóa, bóc mòn, vận chuyển và bồi tụ. Có xu hướng làm cho bề mặt Trái Đất trở nên bằng phẳng hơn.	0,5
	Phân tích mối quan hệ giữa nội lực và ngoại lực trong quá trình hình thành địa hình bề mặt Trái Đất.	1,0
	- Địa hình bề mặt Trái Đất được phát sinh và phát triển do kết quả của tác động đồng thời và tương hỗ giữa quá trình nội lực và ngoại lực.	0,25
	- Nội lực và ngoại lực xảy ra liên tục và có tính đối nghịch nhau.	0,25
	- Tương quan giữa quá trình nội lực và ngoại lực là nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện dạng địa hình này hay dạng địa hình khác.	0,25
Câu 2 (4 điểm)	- Ở mỗi dạng địa hình cụ thể, vai trò của nội lực và ngoại lực khác nhau.	0,25
	a. Trình bày đặc điểm phân bố các đai khí áp trên Trái Đất. Tại sao khu vực xích đạo có góc nhập xạ lớn nhất nhưng nhiệt độ trung bình năm lại thấp hơn khu vực chí tuyến?	2,0
	* Đặc điểm phân bố các đai khí áp trên Trái đất:	
	- Các đai áp cao và áp thấp phân bố xen kẽ và đối xứng nhau qua đai áp thấp xích đạo.	0,5
	- Trên trái Đất có 7 đai khí áp, gồm:	0,5

	+ 1 đai khí áp thấp xích đạo. + 2 đai khí áp cao cận nhiệt đới. + 2 đai khí áp thấp ôn đới. + 2 đai khí áp cao cực. - Trong thực tế các đai khí áp không liên tục mà bị chia cắt thành các khu khí áp riêng biệt. * Khu vực xích đạo có góc nhập xạ lớn nhất nhưng nhiệt độ trung bình năm lại thấp hơn khu vực chí tuyến vì. - Khu vực xích đạo có diện tích đại dương lớn, thảm thực vật phong phú, lượng bốc hơi nước lớn, mưa nhiều.... - Khu vực chí tuyến có diện tích lục địa lớn, thảm thực vật nghèo nàn, mưa ít, độ ẩm thấp, lượng bốc hơi nhỏ....	0,5
	b. Hãy phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông. - Chế độ mưa: Quy định chế độ dòng chảy sông. - Băng tuyết tan: Làm tăng lưu lượng dòng chảy vào mùa xuân khi băng tuyết tan nhanh. - Hồ, đầm: Điều tiết chế độ dòng chảy nước sông. - Địa hình: Độ dốc địa hình càng lớn, thời gian tập trung nước và thoát nước trên sông càng nhanh và ngược lại. - Đặc điểm đất, đá và thực vật: Các khu vực đất, đá dễ thấm nước, vỏ phong hoá dày, có nhiều thực vật che phủ thường có nguồn nước phong phú, dòng chảy điều hoà. - Con người: Điều tiết chế độ dòng chảy sông thông qua việc xây dựng các hồ chứa thủy điện, các công trình thủy lợi, trồng và bảo vệ rừng,...	2,0
	- Chế độ mưa: Quy định chế độ dòng chảy sông. - Băng tuyết tan: Làm tăng lưu lượng dòng chảy vào mùa xuân khi băng tuyết tan nhanh. - Hồ, đầm: Điều tiết chế độ dòng chảy nước sông. - Địa hình: Độ dốc địa hình càng lớn, thời gian tập trung nước và thoát nước trên sông càng nhanh và ngược lại. - Đặc điểm đất, đá và thực vật: Các khu vực đất, đá dễ thấm nước, vỏ phong hoá dày, có nhiều thực vật che phủ thường có nguồn nước phong phú, dòng chảy điều hoà. - Con người: Điều tiết chế độ dòng chảy sông thông qua việc xây dựng các hồ chứa thủy điện, các công trình thủy lợi, trồng và bảo vệ rừng,...	0,5
	- Băng tuyết tan: Làm tăng lưu lượng dòng chảy vào mùa xuân khi băng tuyết tan nhanh. - Hồ, đầm: Điều tiết chế độ dòng chảy nước sông. - Địa hình: Độ dốc địa hình càng lớn, thời gian tập trung nước và thoát nước trên sông càng nhanh và ngược lại. - Đặc điểm đất, đá và thực vật: Các khu vực đất, đá dễ thấm nước, vỏ phong hoá dày, có nhiều thực vật che phủ thường có nguồn nước phong phú, dòng chảy điều hoà. - Con người: Điều tiết chế độ dòng chảy sông thông qua việc xây dựng các hồ chứa thủy điện, các công trình thủy lợi, trồng và bảo vệ rừng,...	0,5
	- Hồ, đầm: Điều tiết chế độ dòng chảy nước sông. - Địa hình: Độ dốc địa hình càng lớn, thời gian tập trung nước và thoát nước trên sông càng nhanh và ngược lại. - Đặc điểm đất, đá và thực vật: Các khu vực đất, đá dễ thấm nước, vỏ phong hoá dày, có nhiều thực vật che phủ thường có nguồn nước phong phú, dòng chảy điều hoà. - Con người: Điều tiết chế độ dòng chảy sông thông qua việc xây dựng các hồ chứa thủy điện, các công trình thủy lợi, trồng và bảo vệ rừng,...	0,25
	- Địa hình: Độ dốc địa hình càng lớn, thời gian tập trung nước và thoát nước trên sông càng nhanh và ngược lại. - Đặc điểm đất, đá và thực vật: Các khu vực đất, đá dễ thấm nước, vỏ phong hoá dày, có nhiều thực vật che phủ thường có nguồn nước phong phú, dòng chảy điều hoà. - Con người: Điều tiết chế độ dòng chảy sông thông qua việc xây dựng các hồ chứa thủy điện, các công trình thủy lợi, trồng và bảo vệ rừng,...	0,25
	- Đặc điểm đất, đá và thực vật: Các khu vực đất, đá dễ thấm nước, vỏ phong hoá dày, có nhiều thực vật che phủ thường có nguồn nước phong phú, dòng chảy điều hoà. - Con người: Điều tiết chế độ dòng chảy sông thông qua việc xây dựng các hồ chứa thủy điện, các công trình thủy lợi, trồng và bảo vệ rừng,...	0,25
	- Con người: Điều tiết chế độ dòng chảy sông thông qua việc xây dựng các hồ chứa thủy điện, các công trình thủy lợi, trồng và bảo vệ rừng,...	0,25
Câu 3 (3 điểm)	a. Tại sao ở các loại đất khác nhau có các loài thực vật khác nhau?	0,5
	- Do sự phát triển và phân bố của thực vật chịu ảnh hưởng bởi các đặc tính lí, hóa và độ phì của đất làm cho mỗi loài thực vật phát triển thích hợp ở mỗi loại đất nhất định.	0,25
	- Ví dụ: Đất ngập mặn có rừng ngập mặn, Đất chua phèn có cây tràm...	0,25
	b. Trình bày khái niệm, nguyên nhân, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật địa đới.	2,5
	* Khái niệm của quy luật địa đới: Là quy luật về sự thay đổi của các thành phần tự nhiên và cảnh quan địa lí theo vĩ độ (từ xích đạo về hai cực).	0,25
	* Nguyên nhân: Do Trái Đất hình cầu nên góc chiếu của tia sáng mặt trời tới bề mặt đất giảm độ lớn từ xích đạo về cực => sự thay đổi của các yếu tố tự nhiên khác.	0,25
	* Biểu hiện của quy luật địa đới:	
	- Biểu hiện rõ nhất ở các vùng đất bằng phẳng, rộng lớn.	0,25
	- Là quy luật phổ biến của vỏ địa lí.	0,25
	- Quy luật địa đới thể hiện qua các yếu tố và thành phần tự nhiên sau:	
	+ Sự phân bố các vòng đai nhiệt trên Trái Đất (dẫn chứng).	0,25
	+ Các đai khí áp, các đới gió và lượng mưa trên Trái Đất (dẫn chứng).	0,25
	+ Các đới khí hậu (dẫn chứng).	0,25
	+ Các nhóm đất và các kiểu thảm thực vật chính (dẫn chứng).	0,25
	* Ý nghĩa thực tiễn của quy luật địa đới: Giúp con người định hướng và có các hoạt động thực tiễn phù hợp với môi trường sống.	0,5
Câu 4 (4 điểm)	a. Cho biết gia tăng dân số tự nhiên và gia tăng dân số cơ học khác nhau như thế nào? Giải thích vì sao dân số thế giới tăng hoàn toàn do tăng dân số tự nhiên.	2,0
	- So sánh sự khác nhau giữa gia tăng dân số tự nhiên và gia tăng dân số cơ học: + Gia tăng dân số tự nhiên: • Biểu hiện sự thay đổi dân số do chênh lệch giữa số sinh và số chết. • Là sự chênh lệch giữa tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô.	0,25
		0,25

	- Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên được coi là động lực phát triển dân số + Gia tăng dân số cơ học: - Biểu hiện sự biến động dân số do chênh lệch giữa số đến và số đi. - Là hiệu số giữa tỉ suất nhập cư và tỉ suất xuất cư. - Trên phạm vi toàn thế giới, gia tăng cơ học không ảnh hưởng lớn đến vấn đề dân số nói chung, nhưng đối với từng khu vực, từng quốc gia thì nó lại có ý nghĩa quan trọng. - Dân số thế giới tăng hoàn toàn do tăng dân số tự nhiên vì: - Trên quy mô toàn thế giới, dân số nhập cư hay xuất cư sẽ không ảnh hưởng đến sự thay đổi dân số. - Mà trên quy mô thế giới, dân số chỉ thay đổi do chênh lệch giữa số sinh và số chết (sự gia tăng dân số tự nhiên), vì vậy dân số thế giới tăng hoàn toàn do tăng dân số tự nhiên.	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25																				
	b. So sánh sự khác biệt giữa tổng sản phẩm trong nước (GDP) và tổng thu nhập quốc gia (GNI).	2,0																				
	<table><tr><th>Tiêu chí</th><th>Cách tính</th><th>Con người tạo ra</th></tr><tr><td>GDP</td><td>Bảng tổng giá trị sản phẩm vật chất và dịch vụ được sản xuất trong phạm vi lãnh thổ 1 nước thường trong 1 năm.</td><td>Người trong nước và người nước ngoài tạo ra trong phạm vi lãnh thổ nước đó.</td></tr><tr><td>GNI</td><td>Bảng tổng thu nhập từ sản phẩm vật chất và dịch vụ do tất cả công dân 1 quốc gia tạo ra thường trong 1 năm.</td><td>Công dân mang quốc tịch quốc gia (có thể tạo ra giá trị trong và ngoài lãnh thổ nước đó).</td></tr></table>	Tiêu chí	Cách tính	Con người tạo ra	GDP	Bảng tổng giá trị sản phẩm vật chất và dịch vụ được sản xuất trong phạm vi lãnh thổ 1 nước thường trong 1 năm.	Người trong nước và người nước ngoài tạo ra trong phạm vi lãnh thổ nước đó.	GNI	Bảng tổng thu nhập từ sản phẩm vật chất và dịch vụ do tất cả công dân 1 quốc gia tạo ra thường trong 1 năm.	Công dân mang quốc tịch quốc gia (có thể tạo ra giá trị trong và ngoài lãnh thổ nước đó).	2,0											
Tiêu chí	Cách tính	Con người tạo ra																				
GDP	Bảng tổng giá trị sản phẩm vật chất và dịch vụ được sản xuất trong phạm vi lãnh thổ 1 nước thường trong 1 năm.	Người trong nước và người nước ngoài tạo ra trong phạm vi lãnh thổ nước đó.																				
GNI	Bảng tổng thu nhập từ sản phẩm vật chất và dịch vụ do tất cả công dân 1 quốc gia tạo ra thường trong 1 năm.	Công dân mang quốc tịch quốc gia (có thể tạo ra giá trị trong và ngoài lãnh thổ nước đó).																				
Câu 5 (5 điểm)	a. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu dân số thế giới phân theo thành thị và nông thôn, giai đoạn 1950 - 2020. - Tính cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn của thế giới, giai đoạn 1950-2020. Công thức: - Tỉ lệ dân thành thị (%) = $\frac{\text{Dân số thành thị}}{\text{Số dân thế giới}} \times 100\%$ - Tỉ lệ dân nông thôn (%) = 100% - Tỉ lệ dân thành thị CƠ CẤU DÂN SỐ THẾ GIỚI PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN, GIAI ĐOẠN 1950-2020 (Đơn vị: %) <table><tr><td>Năm</td><td>1950</td><td>1970</td><td>1990</td><td>2020</td></tr><tr><td>Tổng số</td><td>100,0</td><td>100,0</td><td>100,0</td><td>100,0</td></tr><tr><td>Thành thị</td><td>29,6</td><td>36,6</td><td>43,0</td><td>56,2</td></tr><tr><td>Nông thôn</td><td>70,4</td><td>63,4</td><td>57,0</td><td>43,8</td></tr></table> - Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu dân số thế giới phân theo thành thị và nông thôn giai đoạn 1950-2020. + Vẽ biểu đồ miền với 2 thành phần dân thành thị và nông thôn. + Yêu cầu: Vẽ đúng dạng biểu đồ, chính xác khoảng cách năm, đầy đủ tên biểu đồ, trục toạ độ, số liệu... và đảm bảo tính thẩm mỹ. (Thí sinh vẽ biểu đồ khác không cho điểm, thiếu mỗi một yêu cầu trừ 0,25 điểm)	Năm	1950	1970	1990	2020	Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0	Thành thị	29,6	36,6	43,0	56,2	Nông thôn	70,4	63,4	57,0	43,8	3,0 0,25 0,25
Năm	1950	1970	1990	2020																		
Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0																		
Thành thị	29,6	36,6	43,0	56,2																		
Nông thôn	70,4	63,4	57,0	43,8																		

	- Cơ cấu dân số thể giới phân theo thành thị và nông thôn, giai đoạn 1950 - 2020 có sự chuyển dịch như sau:	0,25
	+ Tỷ lệ dân thành thị có xu hướng tăng liên tục (<i>dẫn chứng</i>).	0,25
	+ Tỷ lệ dân nông thôn có xu hướng giảm liên tục (<i>dẫn chứng</i>).	
	- Giai đoạn 1950 - 1990: Tỷ lệ dân nông thôn lớn hơn tỷ lệ dân thành thị. Năm 2020, tỷ lệ dân thành thị lớn hơn tỷ lệ dân nông thôn (<i>dẫn chứng</i>).	0,5
	TỔNG: Câu 1 + Câu 2 + Câu 3 + Câu 4 + Câu 5 = 20 điểm	

----- Hết -----